

Số: 13/2019/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Phước.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; tài sản vô chủ; tài sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên gồm:

- Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa;

- Tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác (trừ xe mô tô và xe gắn máy) có đủ điều kiện đăng ký lại, được phép lưu hành theo quy định hiện hành;

- Các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) gồm:

- Tài sản chuyển giao về địa phương nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng;

- Tài sản chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác có đủ điều kiện đăng ký lại, được phép lưu hành theo quy định hiện hành, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan cấp tỉnh ký hợp đồng dự án.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được tiếp nhận, quản lý, sử dụng không thuộc tài sản quy định tại khoản 1, Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc cấp huyện đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; tài sản vô chủ; tài sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không thuộc tài sản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý được tiếp nhận, quản lý, sử dụng không thuộc tài sản quy định tại khoản 1, Điều này;

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền;

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư do cơ quan cấp huyện ký hợp đồng dự án.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

a) Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- Tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác (trừ xe mô tô và xe gắn máy) có đủ điều kiện đăng ký lại, được phép lưu hành theo quy định hiện hành;

- Các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

b) Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu:

- Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền do cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia);

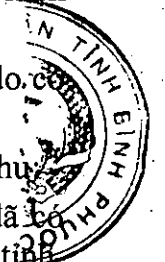
- Tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia);

- Tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác (trừ xe mô tô và xe gắn máy) có đủ điều kiện đăng ký lại, được phép lưu hành theo quy định hiện hành và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

c) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; tài sản vô chủ; tài sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia):

- Tài sản là bất động sản, xe ô tô, phương tiện vận tải khác (trừ xe mô tô và xe gắn máy) có đủ điều kiện đăng ký lại, được phép lưu hành theo quy định hiện hành;

- Các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.



2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

a) Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Các tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (trừ các tài sản thuộc điểm a, khoản 1, Điều này) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện quyết định tịch thu.

b) Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

Tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao và tài sản là vật chứng vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ các tài sản thuộc điểm b, khoản 1, Điều này) theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc cấp huyện.

c) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; tài sản vô chủ; tài sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, cổ vật, bảo vật quốc gia):

Các tài sản không thuộc quy định tại điểm c, khoản 1, Điều này theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị thuộc cấp huyện.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

Các tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (trừ các tài sản tại khoản 1 Điều này) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý ra quyết định tịch thu.

4. Đối với tài sản là tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức xử lý tài sản theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền